

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 2082/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

1. Ông **Phạm Khang D**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: **Tổ H, khu phố T, phường P, thành phố B;**

2. Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: **Tổ H, khu phố T, phường P, thành phố B;**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, ông **D** và bà **L** cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, ông **D** và bà **L** thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 04/9/2024. Ông **D**, bà **L** cùng cư trú tại **thành phố B, tỉnh Đồng Nai** và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của ông **D**, bà **L** được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông **Phạm Khang D** và bà **Lê Thị L** chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được **UBND xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai)** cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10 ngày

06/8/2001. Ông **D** và bà **L** xác định có 04 con chung cháu **Phạm Thị Như Q**, sinh ngày 30/6/2002, cháu **Phạm Đức D1**, sinh ngày 28/5/2004, cháu **Phạm Thị Quỳnh N**, sinh ngày 01/7/2016 và cháu **Phạm Thị Quỳnh N1**, sinh ngày 18/5/2019. Ông **D**, bà **L** thoả thuận giao cháu **Quỳnh N** và **Quỳnh N1** cho bà **L** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; tạm thời ông **D** cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng /01 tháng (ba triệu đồng); đối với cháu **Phạm Thị Như Q** và cháu **Phạm Đức D1** đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên ông, bà không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông **D**, bà **L** tự thoả thuận tài sản chung, xác định nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình chung sống, ông **D** và bà **L** thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông **D**, bà **L** xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Toà án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung.

Xét thấy ông **D**, bà **L** thực sự tự nguyện ly hôn; sự thỏa thuận của ông **D**, bà **L** đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con; phù hợp với nguyện vọng con chung. Do đó, đủ cơ sở để Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông **D**, bà **L**.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Phạm Khang D** và bà **Lê Thị Len** thuận t ly hôn.

- Về con chung: Ông **D** và bà **L** xác định có 04 con chung cháu **Phạm Thị Như Q**, sinh ngày 30/6/2002, cháu **Phạm Đức D1**, sinh ngày 28/5/2004, cháu **Phạm Thị Quỳnh N**, sinh ngày 01/7/2016 và cháu **Phạm Thị Quỳnh N1**, sinh ngày 27/5/2019. Ông **D**, bà **L** thoả thuận giao cháu **Phạm Thị Quỳnh N** và **Phạm Thị Quỳnh N1** sẽ giao cho bà **L** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; tạm thời ông **D** cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng). Đối với cháu **Phạm Thị Như Q**, cháu **Phạm Đức D1** đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông **D** và bà **L** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015,

tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Ông **D** và bà Len tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Ông **D** và bà **L** xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông **Phạm Khang D** và bà **Lê Thị L** mỗi người phải chịu 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí ông **D**, bà **L** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000671 ngày 22/8/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; ông **D**, bà **L** đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ